

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22/01/2020

*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Bích  
2. Ông Nguyễn Ngọc Sửu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa bà:** Nguyễn Thị Tuyết- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 22/01/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXX-ST ngày 06/01/2020 giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại: (Jeongwang-d) số 502, 19-1, Hàn Quốc.

**-Đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Chung** là anh Bùi Quang T, sinh năm 1993

Hộ khẩu thường trú: Thôn 11, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: Số 66, khu 5 phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt).

**-Bị đơn:** Chị Dương Thị H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại: Số 502, 2014-8, Hàn Quốc.

**-Đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của bị đơn chị Dương Thị Huyền** là chị Dương Thị T, sinh năm 1997

Hộ khẩu thường trú: Khu T, phường T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 04/11/2019 nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:*

Anh và chị Dương Thị H cùng sang lao động tại Hàn Quốc, năm 2016 anh và chị có quen nhau có thời gian yêu nhau và tự nguyện kết hôn vào ngày 02/11/2016 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Sau khi kết hôn anh chị có về Việt Nam để ra mắt hai bố mẹ và hiện tại chị H có cùng hộ khẩu thường trú với anh tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhưng nơi chị H sinh sống và làm việc tại Số 502, 2014-8, Hàn Quốc. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2018 đến nay anh và chị H thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống do tính cách không hợp nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, tình yêu hôn nhân không đạt được, anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn lại mối quan hệ này nhưng chỉ được vài ngày là lại xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân được một năm nay. Mỗi người có một cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Dương Thị H.

-Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Dương Nhật A, sinh ngày 29/8/2018, quốc tịch Việt Nam. Hiện nay cháu Nguyễn Dương Nhật A đang ở với chị H. Ly hôn, anh đề nghị giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, công nợ: Không có, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do thời gian anh về Việt Nam nghỉ phép đã hết anh phải sang Hàn Quốc lao động nên không thể tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị H được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị H.

Anh cũng ủy quyền cho anh Bùi Quang T, sinh năm 1993, địa chỉ liên hệ: Số 66, khu 5, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh và thông báo lại cho anh biết.

*Bị đơn chị Dương Thị H tại bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin vắng mặt (có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc) trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn C cùng sang lao động tại Hàn Quốc, năm 2016 chị và anh C có quen nhau có thời gian yêu nhau và tự nguyện kết hôn vào ngày 02/11/2016 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2018 đến nay chị và anh C thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, tình yêu hôn nhân không đạt được, anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn lại mối quan hệ này nhưng chỉ được vài ngày là lại xảy ra mâu thuẫn, chị và anh C đã sống ly thân được một năm nay. Nay mỗi người có một cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau nữa.

Chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn với anh C.

-Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Dương Nhật A, sinh ngày 29/8/2018. Hiện nay cháu Nguyễn Dương Nhật A đang ở với chị. Ly hôn chị đồng ý nuôi dưỡng con chung. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, công nợ: Không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị đang lao động ở Hàn Quốc nên không thể về Việt Nam tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh C và chị được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh C.

Chị cũng ủy quyền cho chị Dương Thị T, sinh năm 1997; trú tại: Khu T, phường T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C, bị đơn chị Dương Thị H đều vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh C; bản tự khai của chị H, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật:* của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử; về việc chấp hành pháp luật của: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C, bị đơn chị Dương Thị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Dương Thị H;

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Dương Nhật A, sinh ngày 29/8/2018 cho chị Dương Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Về cấp dưỡng không đặt ra giải quyết. Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1].Về thủ tục tố tụng:** Anh Nguyễn Văn C và chị Dương Thị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C, chị H.

**[2].Về thẩm quyền:** Anh Nguyễn Văn C là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Dương Thị Huyền, chị Dương Thị H là bị đơn, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, hiện đang lao động tại Hàn Quốc. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3].Về quan hệ Hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn C và chị Dương Thị H cùng sang lao động tại Hàn Quốc, ngày 02/11/2016 anh C, chị H có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn lại mối quan hệ nhưng không đạt được và anh chị đã sống ly thân với nhau hơn một năm nay. Giữa anh C và chị H đã không còn quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C xin ly hôn chị H, chị H đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh C và chị H đều đồng ý ly hôn. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, xử cho anh Nguyễn Văn C và chị Dương Thị H được ly hôn.

**[4].Về con chung:** Anh C và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Dương Nhật A, sinh ngày 29/8/2018. Hiện nay cháu Nguyễn Dương Nhật A đang ở với chị H. Ly hôn, anh C đề nghị được giao con chung là cháu Nguyễn Dương Nhật A cho chị H nuôi dưỡng, chị H đồng ý nuôi con chung Nguyễn Dương Nhật A. Mặt khác, cháu A hiện dưới 36 tháng tuổi. Anh C, chị H đều thống nhất giao con chung cho chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Dương Nhật A. Anh C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C và chị H đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[5].Về tài sản chung, công nợ:** Anh C và chị H đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[6].Về án phí:** Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh C đã nộp đủ.

**[7].Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

**1.Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Dương Thị H.

**2.Về con chung:** Giao con chung là Nguyễn Dương Nhật A, sinh ngày 29/8/2018 cho chị Dương Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

**3.Về án phí:** Anh Nguyễn Văn Ch phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000506 ngày 05/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh C đã nộp đủ.

**4.Về quyền kháng cáo:** Anh Nguyễn Văn C, chị Dương Thị H đều đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện Y;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**





